

QUYẾT ĐỊNH

Về trạng thái ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997;

Căn cứ Nghị định 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định 63/1998/NĐ-CP ngày 17-8-1998 của Chính phủ về quản lý ngoại hối;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ quản lý ngoại hối;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quyết định này quy định về trạng thái ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Tổ chức tín dụng), trừ các Ngân hàng liên doanh và Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ của các Tổ chức tín dụng.

Điều 2: Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Ngoại tệ là đồng tiền của một quốc gia khác hoặc đồng tiền chung.
- Trạng thái nguyên tệ của một ngoại tệ là chênh lệch giữa tổng tài sản Có và tổng tài sản Nợ bằng ngoại tệ này, bao gồm cả các tài khoản mua bán ngoại tệ ngoại bảng tương ứng.

Ngoại tệ có trạng thái dương khi tổng tài sản Có lớn hơn tổng tài sản Nợ (thuật ngữ tiếng Anh là "longposition").

Ngoại tệ có trạng thái âm khi tổng tài sản Có nhỏ hơn tổng tài sản Nợ (thuật ngữ tiếng Anh là "Shortposition").

Ngoại tệ có trạng thái cân bằng khi tổng tài sản Có bằng tổng tài sản Nợ (thuật ngữ tiếng Anh là "squareposition").

3- Tỷ giá quy đổi trạng thái của một ngoại tệ là tỷ giá bán giao ngay chuyển khoản giữa ngoại tệ đó với đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng vào cuối ngày làm việc.

4- Tổng trạng thái ngoại tệ dương là tổng trạng thái các ngoại tệ có trạng thái dương (sau khi đã quy đổi sang đồng Việt Nam bằng tỷ giá quy đổi trạng thái).

5- Tổng trạng thái ngoại tệ âm là tổng trạng thái các ngoại tệ có trạng thái âm (sau khi đã quy đổi sang đồng Việt Nam bằng tỷ giá quy đổi trạng thái).

6- Vốn tự có của các tổ chức tín dụng áp dụng theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về các tỷ lệ an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

Điều 3: Thời điểm xác định trạng thái ngoại tệ

1- Trạng thái ngoại tệ cuối ngày được xác định vào thời điểm cuối ngày làm việc.

2- Trạng thái ngoại tệ cuối tháng được xác định vào thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của tháng.

Điều 4: Nguyên tắc tính trạng thái của một ngoại tệ.

1- Trạng thái ngoại tệ cuối ngày được tính trên cơ sở trạng thái ngoại tệ ngày hôm trước và chênh lệch giữa doanh số mua, doanh số bán phát sinh trong ngày của ngoại tệ đó, bao gồm cả giao dịch giao ngay và kỳ hạn.

2- Trạng thái ngoại tệ cuối tháng được tính trên cơ sở số dư tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của tháng của tài khoản mua bán ngoại tệ kinh doanh, tài khoản ngoại tệ bán ra từ các nguồn khác, tài khoản cam kết mua ngoại tệ giao ngay, tài khoản cam kết bán ngoại tệ giao ngay, tài khoản cam kết mua ngoại tệ có kỳ hạn và tài khoản cam kết bán ngoại tệ có kỳ hạn.

3- Trạng thái ngoại tệ cuối tháng là cơ sở để đối chiếu bảo đảm tính chính xác của trạng thái ngoại tệ cuối ngày.

Điều 5: Nguyên tắc tính tổng trạng thái ngoại tệ

1- Quy đổi trạng thái nguyên tệ của từng ngoại tệ sang đồng Việt Nam theo tỷ giá quy đổi trạng thái.

2- Cộng các trạng thái ngoại tệ dương với nhau để tính tổng trạng thái ngoại tệ dương. Cộng các trạng thái ngoại tệ âm với nhau để tính tổng trạng thái ngoại tệ âm.

Điều 6: Giới hạn tổng trạng thái ngoại tệ dương và tổng trạng thái ngoại tệ âm của Tổ chức tín dụng.

1- Tổng trạng thái ngoại tệ dương cuối ngày không được vượt quá 30% vốn tự có của tổ chức tín dụng tại thời điểm đó.

2- Tổng trạng thái ngoại tệ âm cuối ngày không được vượt quá 30% vốn tự có của tổ chức tín dụng tại thời điểm đó.

3- Trong trường hợp đặc biệt, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có thể xem xét cho phép tổ chức tín dụng được duy trì trạng thái ngoại tệ vượt quá giới hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 7: Chế độ báo cáo

Báo cáo trạng thái ngoại tệ của các Tổ chức tín dụng phải gửi về Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) theo thời hạn sau:

1- Trước 13h ngày làm việc hôm sau đối với báo cáo trạng thái ngoại tệ cuối ngày hôm trước (Mẫu biểu số 01).

2- Trước ngày 10 tháng sau đối với báo cáo trạng thái ngoại tệ cuối tháng trước (Mẫu biểu số 02).

Điều 8: Xử lý vi phạm

1- Các hành vi vi phạm quy định trạng thái ngoại tệ bao gồm:

- Vi phạm giới hạn tổng trạng thái ngoại tệ dương và tổng trạng thái ngoại tệ âm.
- Vi phạm chế độ báo cáo: không báo cáo trạng thái ngoại tệ hàng ngày, không báo cáo đúng thời hạn quy định, báo cáo sai số liệu.

2- Đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này, tùy theo tính chất, mức độ có thể bị xử lý theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động Ngân hàng và các quy định pháp luật khác có liên quan.